

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993	10,00	5,80	7,10	
2	Trần Công	Vinh	3671030458	10/03/1994	9,00	2,30	4,30	
3	Lê Công	Tài	3671030541	24/11/1993	10,00			
4	Nguyễn Đức	Thiện	3671030618	29/01/1994	,00			Nợ HP
5	Hồ Thanh	Duy	3671030654	09/03/1994	6,00			
6	Dương Thanh	Xuân	3671030678	1979	7,00			
7	Vũ Ngọc	Son	3771020010	15/01/1995	10,00	2,80	5,00	
8	Lê Văn	Khoa	3771020018	08/08/1995	8,00			
9	Nguyễn Thành	Long	3771020020	14/11/1994	10,00	3,00	5,10	
10	Ngô Văn	Kỳ	3771020024	20/03/1995	9,00	1,50	3,80	
11	Nguyễn Đình	Thành	3771020025	26/08/1994	9,00	2,30	4,30	
12	Cao Hồng	Phong	3771020029	09/07/1994	8,00	3,00	4,50	
13	Nguyễn Hoàng	Lộc	3771020031	03/10/1995	7,00	2,30	3,70	
14	Trần Hồng	Tím	3771020032	02/01/1994	8,00	2,30	4,00	
15	Nguyễn Đức	Nhật	3771020035	21/10/1995	8,00	,80	3,00	
16	Lê Tấn	An	3771020039	18/06/1995	10,00			
17	Đặng Quốc	Nhật	3771020047	01/09/1995	7,00	2,00	3,50	
18	Phan Đức	Tú	3771020048	28/02/1994	8,00	4,00	5,20	
19	Võ Văn	Cường	3771020050	17/11/1995	10,00	5,00	6,50	
20	Phạm Văn	Dăng	3771020052	13/08/1995	9,00	5,80	6,80	
21	Võ Hữu	Tài	3771020062	09/12/1994	8,00	3,30	4,70	
22	Trương Chí	Tâm	3771020063	12/12/1995	10,00	4,30	6,00	
23	Nguyễn Hữu	Kiệt	3771020069	29/05/1995	7,00	3,00	4,20	
24	Nguyễn Đình	Lâm	3771020070	18/11/1994	8,00	4,30	5,40	
25	Nguyễn Minh	Tâm	3771020083	29/09/1995	9,00	4,30	5,70	
26	Nguyễn Trọng	Nguyễn	3771020086	19/01/1995	,00	,00	,00	CT
27	Nguyễn Văn	Quý	3771020090	01/11/1994	8,00	1,50	3,50	
28	Hoàng Minh	Thuấn	3771020094	17/04/1994	,00	,00	,00	CT
29	Nguyễn Hữu	Hiền	3771020101	21/02/1995	8,00	4,50	5,60	
30	Đồng	Quất	3771020106	06/08/1992	10,00	6,50	7,60	
31	Lê Quốc	Thịnh	3771020113	23/03/1995	9,00	4,30	5,70	
32	Lê Quốc	Bình	3771020114	06/08/1995	10,00	6,50	7,60	
33	Nguyễn Tấn	Minh	3771020117	10/02/1995	9,00	4,50	5,90	
34	Nguyễn Dương Thế	Bảo	3771020121	05/10/1995	8,00			
35	Đỗ Đình	Khiêm	3771020126	07/10/1995	7,00	3,00	4,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Võ Trọng	Nghĩa	3771020127	15/06/1995	8,00	4,00	5,20	
37	Trần Quốc	Thành	3771020130	20/04/1995	8,00	3,50	4,90	
38	Lê Nhựt	Thiện	3771020132	15/04/1995	7,00	6,00	6,30	
39	Nguyễn Hữu	Nghĩa	3771020135	12/11/1995	9,00	1,50	3,80	
40	Nguyễn Chí	Công	3771020136	21/04/1991	9,00	4,50	5,90	
41	Nguyễn Tổng Hùng	Phong	3771020137	17/05/1995	8,00	3,80	5,10	
42	Phạm Văn	Duy	3771020147	05/08/1995	9,00	4,30	5,70	
43	Nguyễn Xuân	Vang	3771020150	18/08/1995	8,00	4,30	5,40	
44	Lưu	Hòa	3771020165	08/01/1995	9,00	4,30	5,70	
45	Nguyễn Văn	Quảng	3771020168	17/08/1995	9,00	5,50	6,60	
46	Huỳnh Quang	Tạo	3771020171	11/04/1995	9,00	3,80	5,40	
47	Mai Tiểu	Cường	3771020184	15/10/1995	9,00	5,30	6,40	
48	Trịnh Việt	Hồng	3771020188	11/06/1994	9,00	2,30	4,30	
49	Nguyễn Kim	Ngọc	3771020189	09/05/1995	,00	,00	,00	CT
50	Cao Văn	Tuyển	3771020192	06/06/1995	8,00	4,80	5,80	
51	Nguyễn Văn	Toàn	3771020197	02/08/1995	,00	,00	,00	CT
52	Nguyễn Văn	Tú	3771020198	16/02/1995	10,00	3,30	5,30	
53	Trần Quang	Huy	3771020203	20/08/1994	8,00	4,30	5,40	
54	Huỳnh Mạnh	Tiến	3771020206	29/11/1995	,00	,00	,00	CT
55	Lê Hoàng	Vũ	3771020213	20/04/1993	8,00	3,50	4,90	
56	Nguyễn Hữu	Cường	3771020220	19/07/1995	8,00	2,80	4,40	
57	Nguyễn Xuân	Giáp	3771020223	11/02/1994	8,00	2,30	4,00	
58	Hồ Thanh	Tâm	3771020227	20/10/1994	9,00	5,80	6,80	
59	Hồ Phúc Như	Ý	3771020235	27/12/1995	8,00	,80	3,00	
60	Nguyễn Minh	Hoài	3771020238	03/06/1995	10,00	3,50	5,50	
61	Lê Minh	Triết	3771020239	14/11/1995	8,00	4,80	5,80	
62	Nguyễn Công	Chuẩn	3771020242	15/02/1994	,00	,00	,00	CT
63	Nguyễn Xuân	Trung	3771020245	07/01/1995	7,00	4,80	5,50	
64	Lê Thanh	Tinh	3771020257	07/07/1995	9,00			
65	Trần Thanh	Huy	3771020260	21/03/1995	10,00			
66	Đỗ Thanh	Quang	3771020276	17/01/1995	10,00	4,30	6,00	
67	Hồ Văn	Minh	3771020279	20/12/1995	,00	,00	,00	CT
68	Phan Ngọc	Phụng	3771020284	27/02/1994	8,00	5,80	6,50	
69	Huỳnh Xuân	Dương	3771020291	20/11/1995	9,00	3,50	5,20	
70	Lê Phương	Nam	3771020294	10/02/1995	9,00	5,00	6,20	
71	Từ Thiện	Tâm	3771020307	22/10/1994	9,00	3,00	4,80	
72	Lý Hoàng	Phú	3771020314	22/11/1994	8,00	2,00	3,80	
73	Huỳnh Quang	Siêu	3771020319	14/02/1994	10,00	1,50	4,10	
74	Lương Thanh	Sang	3771020332	10/11/1995	7,00	2,80	4,10	
75	Nguyễn Đức	Tài	3771021067	01/07/1995	8,00	1,80	3,70	

Học phần : 0671016 - Vật lý đại cương 1
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Hồ Thị Kim	Xuân	3771021112	26/01/1995	,00	,00	,00	CT
77	Phạm Thế	Kỳ	3771021114	08/10/1995	8,00	2,50	4,20	
78	Đào Hữu	Nghĩa	3771021123	10/10/1995	8,00	2,50	4,20	
79	Mai Hữu	Thuận	3771021141	15/02/1995	10,00	2,80	5,00	
80	Hà Xuân	Vĩnh	3771021145	22/10/1995	,00	,00	,00	CT

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)